TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2026
V/v *"không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lò Văn Chiên, ông Tống Văn Chiên
- *Thư ký phiên tòa*: ông Hờ A Thái – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc: "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44a/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lý Thị Q, sinh năm: 1991 - *vắng mặt có lý do.*
Địa chỉ: bản N, xã N, tỉnh Lai Châu.
2. Bị đơn: anh Lý A P, sinh năm 1993 - *vắng mặt có lý do.*
Địa chỉ: bản N, xã N, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lý Thị Q trình bày: Về hôn nhân: chị Lý Thị Q và anh Lý A P chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì anh Lý A P và chị Lý Thị Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuối năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày. Hiện không còn quan tâm đến nhau, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Lý Thị Q đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Q với anh Lý A P. Về con chung: chị Lý Thị Q và anh Lý A P có hai con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 03/6/2012 và cháu Lý Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2015, theo đơn khởi kiện ban đầu thì chị Lý Thị Q có nguyện vọng nuôi một con chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi ly hôn chị Lý Thị Q phải đi làm ăn xa nên có nguyện vọng để anh Lý A P nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Lý Thị Q đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Lý Thị Q và anh Lý A P tự thỏa thuận và không

đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Lý Thị Q đề nghị được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn anh Lý A P: trong quá trình lấy lời khai và các biên bản làm việc anh Lý A P nhất trí với ý kiến của chị Lý Thị Q đã trình bày, hai vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì anh Lý A P và chị Lý Thị Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuối năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Hiện không còn quan tâm đến nhau, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thay đổi được. Anh nhất trí Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Q với anh Lý A P. Về con chung: chị Lý Thị Q và anh Lý A P đang có hai con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 03/6/2012 và cháu Lý Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2015, anh Lý A P có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lý A P đủ khả năng nuôi hai con nên không đề nghị chị Lý Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Lý Thị Q và anh Lý A P tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã xác minh trực tiếp tại Công an xã N và UBND xã N, tỉnh Lai Châu: đối với anh Lý A P và chị Lý Thị Q không có đăng ký kết hôn, tình trạng chung sống với nhau không có đăng ký hợp pháp. Vợ, chồng chị Lý Thị Q và anh Lý A P hiện nay có hai con chung là cháu: Lý Thị T và cháu Lý Thị Quỳnh H.

Đối với hai con chung là cháu Lý Thị T và cháu Lý Thị Quỳnh H, Tòa án đã lấy ý kiến hai con chung, hai cháu có nguyện vọng được ở với bố là Lý A P do mẹ hay đi làm ăn xa và không có thời gian ở cùng hai chị em.

Quan điểm của đại diện VKSND khu vực 3 - Lai Châu:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung:* Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2026 ngày 06/01/2016; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị Q, xử:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Q và anh Lý A P. Về con chung: giao hai con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 03/6/2012 và cháu Lý Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2015 cho anh Lý A P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lý A P không đề nghị chị Lý Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Lý Thị Q và

anh Lý A P không đề nghị nên đề nghị Tòa án không xem xét với yêu cầu này. Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị Lý Thị Q nộp đơn khởi kiện về việc: "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con", tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lý Thị Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Q, theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: "không công nhận quan hệ vợ chồng", giữa anh Lý A P và chị Lý Thị Q, bị đơn cư trú tại xã N, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị (khoản 1 Điều 9); "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..." (khoản 1 Điều 14); "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."(khoản 2 Điều 53).*

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...".*

Chị Lý Thị Q và anh Lý A P chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì anh Lý A P và chị Lý Thị Q phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai anh chị đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với yêu cầu của chị Lý Thị Q đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Q với anh Lý A P là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: xét nguyện vọng của chị Lý Thị Q, xét nguyện vọng của hai con chung nên giao hai con chung là cháu Lý Thị T và cháu Lý Thị Quỳnh H cho anh Lý

A P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Lý A P đủ khả năng nuôi hai con nên không đề nghị chị Lý Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Lý Thị Q và anh Lý A P tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKSND khu vực 3 – Lai Châu tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: chị Lý Thị Q là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên chị Lý Thị Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ tư pháp; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lý Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Q và anh Lý A P.

2. Về con chung: giao hai cháu Lý Thị T, sinh ngày 03/6/2012 và cháu Lý Thị Quỳnh H, sinh ngày 15/3/2015 cho anh Lý A P là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lý Thị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Lý A P không yêu cầu chị Lý Thị Q phải cấp dưỡng hai con chung, chị Lý Thị Q không phải cấp dưỡng.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Lý Thị Q và anh Lý A P tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Lý Thị Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- UBND xã Nậm Tăm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**